

BẢN LUẬN QUYỂN 79

Trên đây, đã lựa chọn trì Du-già đầu tiên xong. Dưới đây là, thứ hai, lựa chọn trì tùy theo pháp của Du-già. Xứ này có bốn phẩm, trong đó chỉ có phẩm quyết trụ. Vì ba phẩm trước dễ, nên không lựa chọn.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Một chương đầu này lại lựa chọn năm nghĩa vô lượng trong phẩm Công Đức.

Dựa vào bốn thứ trụ trở xuống, chính là quyết định tùy pháp Du-già. Dù có thuyết này, nhưng nay, theo Luận sư Cảnh phán quyết như trước, trong đó, đầu tiên, nhắc lại trước đã xong. Kế chính là lựa chọn. Văn chia làm chín. Trước là nói về sự khác nhau của thế giới. Luận sư Cảnh nói: “Trong thế giới thanh tịnh không có Na-Lạc-Ca, bàng sinh, quỷ cũng không có ba cõi, cũng không có khổ thọ, chẳng nói không có người, trời. Đây là tịnh độ thừa nhận có Bồ-tát làm thân người, trời, mà chẳng hệ thuộc ba cõi.

Đã nhập Tam địa, Bồ-tát do sức nguyện, nên thọ sinh ở tịnh độ. Có văn nói: “Sơ Địa trở lên, đều được vãng sinh, vì sao trong đây nói là địa thứ ba?”

“Vì y cứ ở tướng, Tam địa được định, dựa vào định tu quán, mới được vãng sinh, nên nói như thế. Không có phàm phu và chẳng phải phàm phu, Bồ-tát được sinh về cõi tịnh kia, đây là y cứ ở Tịnh độ thật báo để luận. Dưới đây, chung cho kinh khác.”

Hỏi: “Nếu không có phàm phu, Bồ-tát và chẳng phải phàm phu, Nhị thừa đều được sinh về cõi kia, thì vì sao trong giáo Bồ-tát nói ý nguyện của Bồ-tát đều sẽ vãng sinh về tịnh độ kia?”

Đáp: “Vì hóa độ chúng sinh lười biếng, vì muốn cho họ chứa nhóm thiện căn, nên mật ý nói.”

Pháp sư Thái nói: “Về lý, thật mà nói, Bồ-tát Sơ Địa, Nhị địa cũng được sinh về tịnh độ kia. Nay, y cứ tịnh độ, Bồ-tát Tam địa trở lên không có dục, dục, được sinh về tịnh độ kia. Chỉ nói Tam địa sanh về Tịnh độ, không có phàm phu và. Bậc Thánh Nhị thừa, Bồ-tát phàm phu, đều được sinh về tịnh độ. Nếu Nhị thừa trụ vắng lặng, thì nhập vô dư. Nếu Nhị thừa phát tâm Bồ đề thì thuộc về Bồ-tát, cho nên bậc Thánh Nhị thừa trụ vắng lặng hoàn toàn bất sinh. Bồ-tát Địa tiền phàm phu, hoàn toàn bất sinh. Dưới đây, là chung với ý kinh, chỗ khác nói: “Nếu Bồ-tát v.v... và ý nguyện của Nhị thừa, đều sẽ vãng sinh về cõi kia, Như lai vì biệt thời ý, nên nói như thế.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Văn này chính là Kinh Tâm Mật Giải

thoát nói không có phạm phu, Nhị thừa v.v... ở tịnh độ. Về văn, xưa nay, mười giải như chân đế v.v... trở lên, dứt trừ nhân chấp, gọi là bậc Thánh. Nghĩa này không đúng. Theo luận này v.v..., gọi là phạm phu, cũng chưa dứt “hoặc”.

“Nếu không có phạm phu” v.v... trở xuống, là hỏi đáp, phân biệt dẫn kinh để hỏi. Kinh nói “Mười niệm, niệm Phật A-Di-Đà được sinh về nước kia”, vì sao nay nói rằng, địa thứ ba mới sinh ư?”

Đáp: “Vì ý văn phân biệt rõ về thời gian, ý, nên nói sinh Tịnh độ phạm phu không thể sinh ngay. Cho nên Nhiếp Luận và luận Hiển Dương, luận Đối Pháp v.v... đều cho rằng các kinh nói phạm phu sinh tịnh độ, đều y cứ vào thời gian, khác để nói, chứ chẳng phải thật sinh ngay.

Biện luận về tịnh độ kia có ba thứ:

1. Cõi nước tự thọ dụng.

2. Hóa độ, nghĩa là Vô Lượng Thọ v.v...

3. Tạm hóa tịnh độ, nghĩa là tướng tịnh tạm hóa trong cõi uế như kinh Duy-ma nói: “Ấn ngón chân xuống đất bày tướng tịnh độ”, vì các đức phần nhiều khởi tranh luận: Có thuyết nói: “Giáo hóa tịnh độ lâu có nơi chốn riêng. Như chín phẩm vãng sinh của nước Cực Lạc”.

Có thuyết nói không có nơi chốn riêng, mặt tình lấy, bỏ.

Thứ hai, nói Bồ-tát dựa vào bốn trụ, có thể thành bốn sự. Luận sư Cảnh nói: “Hoan hỷ trụ, giới trụ, tâm trụ trong bốn trụ, phối hợp với Tam địa trước. Tuệ trụ, tức ở Tứ, Ngũ, Lục địa, được pháp Bồ-đề phần ở địa thứ tư. Các đế ở ngũ địa, duyên khởi ở Lục địa. Trí an lập khéo léo của pháp không chung vượt qua trí mà Nhị thừa cùng chứng chung, nghĩa là Tứ, Ngũ, Lục địa tương đồng với Nhị thừa. Thất địa trở lên vượt qua Nhị thừa, nên nói vượt qua trí mà Nhị thừa đã chứng chung, tức trí an lập của pháp không chung trong đây, nghĩa là đến “Và trí an lập đế: Thất địa trở lên, quán khắp an lập và trí của hai đế phi an lập.

Trí đã được chung trong đây, nghĩa là dựa duyên khởi đã được trí chứng, nghĩa là y cứ vào chỗ sau cùng kia, chỉ nói là đạo lý duyên khởi. Trí của phẩm đạo của địa thứ tư, trí của bốn đế địa thứ năm, đều là trí chung. Đây là nói về trí chứng chung đã siêu việt, dựa vào Sơ Địa để thực hành bố thí. Nhị địa trì giới. Giới được thân mình, thí được của báu, nên nói “Vận vận tăng thượng, vì lợi ích hữu tình, chuyển các tính lự, dùng sức nguyện lớn, sinh trở lại cõi Dục”, nghĩa là trở lại dùng nghiệp cũ của cõi Dục làm nhân nguyện và tính lữ làm “duyên”, sinh trở lại cõi Dục.”

Pháp sư Thái nói: “Trong trụ thứ hai, lia tất cả phạm giới, vì có tánh Thi-la, nên gọi là viên mãn. Lia tất cả sự keo kiệt, nên gọi là xả viên mãn.”

Lại giải thích: “Tức là giới vì hay lia phạm giới keo kiệt, nên gọi là giới xả.

Thứ ba, nói về tác ý, khổ vui của Bồ-tát và trụ. Trí Như lượng, gọi là tác ý. Trí như lý, gọi là Trụ. Thứ tư là nói chương của bốn phẩm trên và cách dứt trừ chương này. Chương của bốn phẩm trên khởi ở Địa tiền. Nếu bất tịnh thì trừ không được nhập địa, không nhập địa căn bản. Và địa thứ lớp: là đạo phương tiện địa.

Lại giải thích: Sơ địa gọi là địa Bồ tát, Nhị địa trở lên gọi là Địa thứ lớp: một là khởi nhiệm ô phạm: là phạm giới khinh; Hai là hủy pháp Đại thừa, là một trong bốn lớp; Ba là chứa nhóm hợp gốc lành: Địa tiền công hạnh chưa viên mãn, Bốn là có tâm nhiệm ái; Địa tiền tu thiện tham cầu quả nhiệm. Dưới đây là nói về cách trừ sạch bốn chương, như thứ lớp trừ bốn chương ở trước.

Thứ năm là nói Bồ tát Đại địa dứt trừ bốn thứ tùy hoặc nhỏ nhiệm: một là pháp ái, tức là ái trong pháp chấp, chấp giáo pháp có khởi ái trong đó. Ái thô tuy đã dứt nhưng ái tế vẫn hiện hành, tức là chương Tứ địa, Hai là Nhị thừa tác ý, nghĩa là nhằm chán sanh tử, ưa thích nhập Niết bàn, tức là chương ngũ địa; Ba là mê đắm Đẳng chí, là khởi ở Tam địa, chương ngăn Tứ địa; bốn là sự nghiệp ma của chúng: Duyên theo việc đời, tâm thường rong ruổi, v.v...; chương ngại tu quán hạnh đều là việc ma.

Hỏi: Ở trên nói tất cả phiền não của Bồ tát đại địa phải biết mới khởi tự tăng trưởng công đức, lợi ích cho người, v.v... vì sao lời này khó có thể biết khắp?

Giải thích: Trước y cứ hoặc thô phải biết mới khởi, nay y cứ hoặc để khó có thể biết khắp. Lại ở trước y cứ chương phiền não, nay y cứ sở tri, cho nên không trái nhau.

Thứ sáu là giải thích tướng mười một địa, Bồ tát Sơ Địa vượt qua sợ hãi, được pháp vô thượng, là vượt qua năm sợ hãi, đạt được Thánh pháp. Bồ tát Nhị Địa đã được pháp nhĩ trong sự điều phục, điều phục pháp nhĩ của giới này được không có lầm phạm, v.v... ngừng dứt tất cả sở học của Nhị thừa: Thể của giới sở trì vượt hơn giới hạnh sở học của Nhị thừa, do đây mà chứng được ánh sáng của nhĩ-diệm, nhĩ diệm Hán dịch là sở tri, nhờ định lực này mà đối với cảnh sở tri phát sanh ánh sáng trí tuệ, do đây mà có khả năng như mình đã chứng tất cả Bồ đề phần

pháp an lập khéo léo: Tự thành đạo phẩm, lập giáo để dạy bảo người. Ngũ địa vượt qua trí thế gian của ba địa trước. Lại vượt qua trí đạo phẩm của Tứ địa. Nhị địa. Lục địa đối với duyên khởi có ý nghĩ nhằm chán đi đứng, đối với cõi vô tướng phần nhiều trụ ở thú hưởng tác ý Bồ tát Lục địa tuy duyên cả chân tục nhưng đối với vô tướng thường riêng thú nhập. Bát địa đối với tất cả tướng được tự tại: Nhiếp luận chép: Như tướng đã mong cầu tùy ý tự tại, gọi là tướng tự tại. Lại buộc mở lẫn nhau, Bát địa biết được, trong thân khí ngoài, như đối với vi trần thành đều được tùy ý, gọi là tướng tự tại. Tướng tự tại: Vì các chúng sinh hiện các cõi nước. Định tự tại: tức là bao gồm hai thứ trước. Lại trong phần nương định, khởi các công đức đều được tự tại, gọi là Định tự tại. Lại luận Thập Địa chép: Bồ tát Bát địa trừ sắc, trần vô trí, v.v... gọi là tướng tự tại. Cửu địa đối với danh, cú văn được Tự tại: là pháp vô ngại. Lại được vô tội: nghĩa là vô ngại, nghĩa trí không mê đắm, nên gọi là vô tội. Rộng lớn vô lượng; là từ vô ngại, biết tất cả mười phương gọi là Trí, cho nên nói rộng lớn. Lại được vô ngại giải rộng lớn, cho nên có khả năng làm cho tâm của tất cả chúng sinh được vui; là lạc thuyết vô ngại Thập địa đã được tất cả Như Lai đồng sai: Sai xưa gọi là quán đảnh, như Thái tử của Luân Vương khi thọ chức của cha, lấy nước bốn biển dùng làm nước thơm rưới lên đỉnh đầu Thái tử, gọi là Đại vương Sát-lợi quán đảnh. Thập địa cũng thế, học hạnh đã tròn đầy, chư Phật mười phương phát ra ánh sáng từ đảnh đầu, đều nhập vào đảnh của vị Bồ tát Thập địa này, để thọ chức của trí Phật, cho đến Chư Phật phát ra ánh sáng dưới chân, đều nhập vào chân của vị Bồ tát này, nên nói là đã được Như lai đồng sai. Đã được như mây đại pháp thân: Chân như pháp thân và năm phần pháp thân, vì có công năng che phủ như hư không thân sanh tử thô nặng. Đã được tất cả đại thần thông nên cũng gọi là Như Lai: Bồ tát Thập địa tuy chưa phải là Phật nhưng đã được thần thông rộng lớn, trụ địa vị Đẳng giác, hơi đồng với Phật, cũng hiệu là Như Lai Nhập địa thứ mười một, gọi là Diệu giác.

Thứ bảy là nói các địa tu đắc đẳng lưu thành mãn, nói trụ thắng giải hạnh địa, y theo Thập địa tu mười hạnh; Trụ ở địa tiền, mong học mười pháp hạnh của Thập địa, tức là thứ trì, v.v... gọi là tu tạo, cũng có thể mong học pháp hạnh mười độ sở tu của Bồ tát Thập Địa. Lại giải thích: mong học mười hạnh như tín, v.v... Nói lại chứng được ý lạc thanh tịnh, bấy giờ liền được tất cả các địa: luận sư Cảnh, Luận sư Bị đồng nói: hạt giống các địa đều vốn có, lúc chứng được Sơ địa, cùng lúc huân phát hạt giống các địa, đều khiến cho tăng trưởng, gọi là liền được Sơ

Địa.

Lại giải thích: Sơ Địa mong tu hạnh của Thập Địa, tuy chưa viên mãn nhưng phần được Thập địa, gọi là đốn được. Các sư ở các nước phương tây chấp theo sự hiểu biết khác nhau, giải thích rằng y theo văn này, công đức của Thập địa và Phật địa đều khác nhau, cho nên có khả năng sanh ra hạt giống, cũng lại khác nhau. Trong đây, Sơ địa liền được tất cả địa: là y cứ vào hạt giống pháp nhĩ mà nói. Hạt giống của đạo lý pháp nhĩ từ vô thủy đã có, chẳng phải nay mới được. Mà nói là được: là dụng dẫn phát sanh quả, nên gọi là được. Được có ba thứ, nay y cứ hạt giống và tự tại nên gọi là được. Lại giải thích khác: Vì được hạt giống các địa, nên gọi là liền được chẳng phải cho rằng hạt giống công đức của các địa gọi là khác nhau, nên gọi là được. Đăng lưu: chứng được rồi, sau trong tất cả địa có tất cả oai đức: Luận sư Cảnh, Luận sư Bị nói: Các địa mãn tâm là dòng nhập trụ gia hạnh, v.v... lại mãn tâm ở các địa trước mong học đạo gia hạnh của các địa sau, tức là dòng mãn tâm của đương địa, v.v... Pháp sư Thái nói: Hai phần nhập trụ trong tất cả mười địa gọi là chứng đắc, mãn tâm của quả địa gọi là chứng đắc về sau, như Địa luận nói: Các đạo gia hạnh như tất cả thần thông, quả oai đức phát thứ, v.v... là quả hai phần nhập trụ chứng đắc đăng lưu; các địa thành mãn, trong mỗi địa trải qua nhiều đại kiếp. Tùy theo tất cả công đức khen ngợi các địa trong các kinh có thể nhậm vận chứng đắc là tướng thành mãn.

Thứ tám là nói Thanh văn, Bồ tát chứng pháp giới khác nhau. Pháp sư Cảnh nói: Nói năm thứ nhập chánh tánh ly sanh: Thanh văn có ba: Một là cụ phước, được nhập kiến đạo; hai là bội lìa dục hết, được nhập kiến đạo, ba là lìa cõi Dục cho đến lìa tất cả xứ dục, được nhập kiến đạo, và Duyên giác, Bồ tát gọi là năm người.

Hỏi: Như Thanh văn có ba người nhập thánh, nghĩa là cụ phước v.v... chẳng hay Độc giác cũng có ba người như Cụ phước, v.v... chứng quả Thánh đồng với Thanh văn hay không?

Ngài Tam tạng nói: Như dụ sừng lên, tất cả đều hàng phục tu hoặc từ Vô sở hữu xứ trở xuống nương tĩnh lự thứ tư, nhập chánh quyết định, chứng hai quả sau; là Bộ hành, đồng với Thanh văn kia.

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Năm thứ: Quả Dự Lưu, Tư-Đà-Hàm, A-Na-Hàm, Độc Giác và Bồ-tát, trong số, một người Dự Lưu là người thứ lớp, số người còn lại đều siêu việt.

Trong đây nói chung năm người chia làm hai hạng: Bốn người trước là Thanh văn, Bồ-tát là Bồ-tát, nên có hai hạng.

Nói “tướng thường trú”, nghĩa là xưa nay vô sinh, pháp tánh vô tận, nghĩa là tức do Nhân không làm sáng tỏ chân như. Như thế là thường, không có sinh không có tận.

Tướng vắng lặng, nghĩa là pháp tánh lìa trói buộc của khổ phiền não, tức trạch diệt lìa trói buộc, dứt trừ khổ v.v... của “hoặc” chướng phiền não. Nhị thừa ở trong phương tiện, cầu vô vi vắng lặng, thường trú kia. Tạo nên tướng Niết-bàn, vì mong cầu chứng chân như sau, nên nhanh chóng hướng đến diệt độ. Tự tướng tức là tướng, gọi là phân biệt chân như.

Trong chánh pháp, do tự tánh của Biến kế sở chấp, tánh vô ngã của pháp bất thành thật, nghĩa là Bồ-tát ở trong phương tiện, chỉ tâm tìm kiếm năm pháp tướng v.v... tùy theo nói tự tánh “không” vô sở hữu. Do đây, ngộ nhập tự tướng chân như, đều không có cầu chứng ý lạc của Niết-bàn vắng lặng, thường trú, nên không nhanh chóng cầu tự thân diệt độ. Cho nên nói Thanh văn trong đây, do tướng khác nhau, thông suốt chánh tánh ly sinh của pháp giới.

Do không có tướng mất, nghĩa là do đối với Niết-bàn, khởi tướng thường trú và tướng yên ổn, tức khởi tướng vắng lặng đối với Niết-bàn, nên khởi tướng nhằm trái với các hành. Hoặc lại nhờ người khác. Vì họ tuyên giảng tự tướng của pháp giới, nghe xong một phần hồi hướng Bồ-đề. Thanh văn v.v... nghĩa là người chứng tánh bất định. Một phần hoàn toàn thú hưởng vắng lặng, Thanh văn cùng cực gian khổ, ít hay ngộ nhập mà không tinh tấn, siêng năng. Pháp sư Thái nói: “Thanh văn chứng Nhân vô ngã đã làm rạng rỡ chân như, chưa chứng đắc tự thể chân như, chỉ chứng đắc tướng vô ngã khác nhau trên chân như, nên nói là tướng khác nhau. Bồ-tát chứng được pháp vô ngã làm rõ tướng tự thể của chân như, nên gọi là tự tướng.

Bất định Thanh văn, hoặc lại nhờ Chư Phật khác, vì họ giảng nói. Nghe xong, họ hồi hướng Bồ-đề, sau đó mới ngộ nhập. Vì người tin vô ngã đã lâu, nhập pháp vô ngã rất là gian khổ. Thanh văn thú tịch cũng có hai người, một phần tuy nghe nói pháp vô ngã, nhưng hoàn toàn không tin, không thể ngộ nhập. Một phần ít tin, ít tỏ ngộ, cùng cực gian khổ mà không được nhập xong, tinh tấn, siêng năng tu tập Vô thượng Bồ-đề.”

Luận sư Bị nói: “Thanh văn có hai hạng:

1. Thanh văn không ngu pháp: Nghe nói tự tướng xong, bỏ Tiểu, về Đại, tinh tấn siêng năng tu tập.

2. Thanh văn ngu pháp: Dù tỏ ngộ tự tướng, nhưng không tinh tấn

siêng năng.

Thứ chín, nói về luận thanh tịnh ba đời, nghĩa là không có lưu luyến quá khứ. Với vị lai, không có hy vọng. Trong hiện tại không có đắm nhiễm, tức nói “không có lưu luyến ba đời v.v..., gọi là ba luận thanh tịnh.”

Trên đây, theo thứ lớp trong lựa chọn ba Trì, hai đoạn trước đã nói xong. Dưới đây là đoạn thứ ba, lựa chọn xứ Du-già cứu cách trì. Xứ này có năm phẩm, trong số đó, chỉ quyết định phẩm kiến lập, vì bốn xứ trước đã rõ ràng, nên không quyết định lựa chọn, trong đó, trước, đặt ra hai hỏi đáp. Hai hỏi hai đáp là:

1. Hỏi về an lập.
2. Hỏi về thuộc nhau.

Trong phần đáp, trước nói về an lập, để đáp bốn câu hỏi trước.

Trong phần trước, trước giải thích, sau kết.

Trong giải thích, dù có mười tám bất cộng, mà gồm có chín đoạn:

1. Nói thân không có lỗi.
2. Nói về ngữ không có lỗi.
3. Nói về ý không có lỗi.
4. Nói không có tướng khác lạ.
5. Nói đều là tâm định.
6. Nói đều chọn xả.

7. Nói không giảm: 1- Dục; 2- Tấn; 3- Niệm; 4- Định; 5- Tuệ; 6- Giải thoát; 7- Giải thoát Tri kiến, mà nói rằng bảy thứ. Trong giải thoát thứ sáu. Chia làm hai thứ nên có bảy.

8. Nói về ba nghiệp, tùy hạnh trí tuệ ba nghiệp trí của Như lai, làm tiền đạo, là nhân đẳng khởi. Tùy chuyển trí, nghĩa là vì sát-na khởi, nên không có vô ký.

9. Nói về ba trí vô ngại. Dưới đây, nói thuộc nhau để đáp câu hỏi sau, rằng, trong đây, bốn thứ đầu là pháp không có quên mất, nghĩa là ba nghiệp không có lỗi và không có tướng khác lạ, đều là pháp không quên mất và là nhờ bỏ tập khí. Kế một là thuộc về đại bi nhiếp, nghĩa là tâm đại bi đều ở trong định. Mười ba thứ còn lại, phải biết là thuộc về Nhất thiết chủng diệu trí.

Kế là, nói kinh khác đã nói: “Tùy hảo vì muốn cho đối tượng được giáo hóa, sẽ sinh niềm tin thanh tịnh, nên chỉ bày rõ ràng cho họ, nhưng không lập tướng, nghĩa là vì tướng, tốt rõ ràng, nên tốt không lập tướng. Về an lập các tướng, như phẩm kiến lập đã chỉ bày rõ, rộng, rất dễ hiểu.

Nói: “Từ tùy hảo này, phải biết phân ra các tùy hảo kia. Luận sư Cảnh, Bị nói: “Từ trong môn tướng của kinh Giải Thâm Mật, chia ra các nghĩa tốt đẹp của kinh khác. Pháp sư Thái nói: “Từ trong phẩm kiến lập đã nói về tùy hảo, phải biết rằng chia ra tùy hảo khác nhau đã nói trong các kinh kia.

Trên đây, theo thứ lớp, quyết định lựa chọn ba trì xong. Dưới đây vẫn của một quyển kinh là giải thích văn kinh Bảo Tích. Kinh Bảo Tích này, xưa ở trong đây đã dịch có ba, bốn quyển. Nay, không thấy được. Bảo Tích, kinh, luận bốn quyển giải thích mười sáu thứ tướng. Học giả nên y cứ. Trong đó, đầu tiên là nêu mười sáu pháp môn. Thứ hai là dựa vào môn để giải thích.

Trong giải thích tà hạnh thứ nhất.

1. Nêu lên tám thứ, vì trước có thể dẫn dắt sau, nên nói rằng dẫn dắt sau sau.

2. Giải thích riêng tám thứ, tức là tán đoạn, đầu tiên giải thích về tư lương của trí lui sụt, trong đó, trước chung, sau riêng, trong riêng có ba:

1) Nói về bốn thứ pháp thối.

2) Nhân pháp là lui sụt lại sinh pháp trái nhau của bốn thứ trí.

3) Phát ra thể tướng của bốn thứ pháp lui sụt.

Trong phần đầu, không để cho người khác nghe, nghĩa là y cứ ở người khác có sức được tự tại mà nói. Vì lắng nghe chương pháp, nghĩa là y cứ ở người không có sức, lúc bấy giờ không thể khiến cho người khác không nghe. Thời gian sau, vì làm chương ngại cho nghe pháp. Tiếp theo nói do pháp thối, về sau sinh ra bốn pháp trái nhau, trong đó trước nêu chung, gạn hỏi. Sau sẽ thuộc về bốn pháp trước, như văn rất dễ hiểu. Dưới đây trong phát ra bốn thứ thể tướng của pháp thối, trước, giải thích riêng thể tướng của bốn pháp. Sau, thuộc về tương đương ba Tuệ để nói về sự lui mất.

Phần trước, Luận sư Cảnh nói: “Dựa vào tự thông đạt xấu ác, mà nhận hiểu, giảng nói, chấp mắc, thông đạt tốt lành, nhận hiểu, giảng nói v.v... Câu đầu, dựa vào ác tuệ thông đạt lầm lẫn, bất chính của mình, đã lắng nghe ngôn pháp, lãnh thọ, nhận hiểu, giảng nói. Câu sau, dựa vào thiện tuệ khác, thông đạt, lãnh thọ, hiểu biết, giảng nói pháp. Chấp mắc, nghĩa là thông đạt xấu ác khác, lãnh thọ, nhận hiểu, giảng nói.

Lãnh thọ, nhận hiểu, giảng nói, nghĩa là khi lắng nghe, nhận hiểu pháp đã giảng nói. Kế là, trong giải thích thứ hai, quên mất, chánh niệm, Cảnh, Luận sư Bị nói: “Ở chỗ bốn người, khởi lên mê loạn:

1) Đối với người cử tội, cho đến thư tư: Đối với người có đức, đối với người đồng phạm hạnh, đã mê loạn, tự lỗi lầm, nghĩa là người khác nêu tội người kia, nói lên lời nói khác, mê loạn lỗi lầm của mình. Đối với học hiện tiền, mê loạn học xứ, nghĩa là ở chỗ thầy giáo hóa, dẫn dắt, vì không chính thức lãnh thọ, nên bị mê loạn, trở ngại tu ba học.

“Đối với Đại thừa kia, cho đến “Phát khởi mê loạn thắng giải chánh hạnh”, nghĩa là có người muốn học hạnh Đại thừa, hưởng về Đại thừa, bàn luận về ba thừa không khác.

Nói “Nếu phân biệt ba thừa khác nhau” thì đó là lỗi lầm tai hại lớn lao. Đối với người nói pháp, mê loạn, làm rõ chỗ bí mật đã có kia. Nghĩa là đối với người nói pháp có đức, chính mình không nghe nói. Người kia có phạm, không để cho người khác nghe. Pháp sư Thái giải thích hai người sau rằng: “Đối với người có hạnh Đại thừa, lại là người của Dục lợi, Thắng lợi, nghĩa là người muốn ưa chánh hạnh, là nói chung điều xấu ác của người kia, nên phát khởi mê loạn, thắng giải và chánh hạnh của người khác.

Đối với người nói pháp, vì họ đã tự mê loạn nên phát hiện rõ người kia đã có che giấu lỗi lầm ở chỗ khuất.

Thứ ba, trong giải thích làm hư hoại pháp bạch, Luận sư Cảnh nói: “Nói rằng, vì sức tăng thượng của sự cạnh tranh với người khác, nên khởi các pháp bạch, gia hạnh phi xứ, nghĩa là khởi sự đấu tranh, làm hư hoại pháp trong sạch.”

Nói “Dù khởi gia hạnh của nơi chốn pháp bạch, nhưng có ba lỗi lầm của tà hạnh”, đều là thứ hai, tương khác tức là ba, cộng với trước thành bốn.

Dưới đây, là chia ra ba câu, mỗi câu giải thích hai duyên. Hai duyên đấm nhiễm: 1- Tà thọ dụng. 2- Chỗ lẫn lộn nhiều thứ.

Như khi được bố thí, nhân dùng của vật, làm ơn, ban bố đức, gọi là tà thọ dụng (thọ dụng bất chính). Nếu tội ở giữa đại chúng mà đổ dành nhau, chỗ lẫn lộn nhiều thứ. Do nhân duyên này, dù khởi gia hạnh của nơi chốn pháp bạch, nhưng do tà hạnh nên có lỗi đấm nhiễm. Hai duyên, nên biết lỗi lầm của ác kiến:

1. Người bài bác chánh pháp.

2. Đối với chánh pháp, chấp là chánh pháp, tức là người bài pháp. Dù là thực hành bố thí, nhưng do có ác kiến. Hai lỗi duyên khởi, do hai duyên nên lỗi lầm của thọ trì (nhớ chắc), như văn, rất dễ hiểu.

Pháp sư Thái nói: “Như hai người tranh nhau tạo ra bốn Phật, khởi các pháp bạch, thiện, vì là không hợp lý, nên gọi là gia hạnh phi xứ,

chẳng phải pháp thọ dụng. Ở chỗ ồn ào náo nhiệt, gọi là chỗ nhiều tạp nhạp.

Thứ tư trong giải thích về ý ác, nói do ba tướng, nên biết rằng, đối với Đại sư, mà sinh không tin, thuận. Nghĩa là đối với người có tự thể, tôn thặng, được trí, tôn thặng là đức, được trí là công năng, nghĩa là đối với người có thể, có đức, có công năng, sinh ra không tin thuận.

“Do hai thứ tướng cho đến” và ưa thích kia”, nghĩa là 1) Hữu tình thọ đại trí, đại phước lợi dưỡng, cung kính. Do yêu thích, nên lui mất pháp lành, siêng năng, tinh tấn v.v... 2) Do ưa thích đại trí phước, vì con người thường hay theo đuổi, lui sụt phát ra pháp lành, lược qua không giải thích thứ tư.

Thứ năm, là giả thích khó điều phục, như văn.

Thứ sáu, là giải hạnh đối với phi đạo. Phi đạo là lỗi.

1- Đối với người thành lập tín, không vì nói pháp, để phát khởi lòng tin của họ.

2- Có người bỏ Tiểu, về Đại, không thuận với tâm họ, khen việc đã làm là tốt lành.

3- Thấy hữu tình với tánh bất định, bỏ Đại, cầu Tiểu, không thể quả trách, can ngăn, mà khen ngợi đức của Đại thừa, chê trách sai lầm của Tiểu thừa.

4- Người thể tốt, trụ cấm giới, thì khen, kẻ bất trụ cấm giới thì quở, mà do thân ái tâm của bè bạn, thành thử đáng khen, đáng chê, không chê, gọi là thuyết bất bình đẳng.

Thứ bảy, là giải thích gần gũi không hiền lương, như văn.

Thứ tám, là giải thích không đúng như nghĩa kia. Nói “không như nghĩa, chẳng phải như nghĩa kia”, nghĩa là chỉ nói lại, không có nghĩa khác. Cũng có thể không như Tục đế, chẳng phải là sự Chân như.

Trên đây, giải thích môn tà hạnh thứ nhất xong. Dưới đây là, thứ hai, nói về môn chánh hạnh, trong đó, trước là nêu chung, trái với tám tà trước, dẫn tám thứ hạnh, gọi là tướng chánh hạnh.

Nói dẫn lìa, nghĩa là xa lìa lỗi lầm ở trước, ý nói chủ thể đối trị. Trái với lỗi lầm trước, tướng sau sau, nhân dẫn phát nói tám đối trị. Cũng tướng sau sau nhân tám thứ đối trị với tám chánh.

Kế là, nói riêng tám chánh hạnh. Theo thứ lớp trong văn, nói lại về tám thứ tà hạnh. Đây là nêu tà, làm sáng tỏ chánh hạnh. Đầu tiên, là giải thích về sự lui mất, có bốn trường hợp.

1- Do tự không nghe, để cho trí lui mất, nghĩa là nếu người đối với chánh pháp, nếu không cung kính, không tự đến nghe, thì người này dù

không có phạm, nhưng do không nghe, vì không có thắng giải, nên gọi là có lui mất.

2- Do không khiến người khác nghe, nên trí lui mất, nghĩa là người đến chỗ khác nghe, không tin hàng phục mình, do đây hủy phạm. Nếu không có tâm này, ngay đó không khuyên người khác nghe, quay lại người nghe kia hướng về tà pháp của mình, cho nên, lui mất.

3- Do vì nghe chướng khiến trí lui mất, nghĩa là do tự mình không muốn, không nghe, không gìn giữ, nên hóa độ người khác lắng nghe chướng ngại, do đây, hủy phạm, làm không có ý này. Ngay đó do tự thân biếng nhác, chướng ngại người khác nghe pháp, cho nên lui mất.

4- Do chấp mắc tà, mà có lắng nghe. Do đối với tu không thấy đức, chỉ nghe ngôn thuyết (nói năng) cho là rốt ráo, do đây hủy phạm. Nếu không chấp nghe cho là rốt ráo, mà chỉ nghe, không tu, trí không thành thật, đây gọi là lui mất.

Thứ hai, là giải thích về quên mất, chánh niệm cũng có bốn trường hợp :

1- Trong trường hợp đầu, nói “Do nghiệp chướng v.v...”, nghĩa là do ngay nghiệp chướng, đối với nêu tội, có chỗ quên mất. Lại không quên ngữ hủy phạm. Nhưng có phạm tội căn bản, quên mất, mê loạn.

2- Nói “Do mê loạn học xứ, khiến cho niệm quên mất v.v... nghĩa là đối với thầy giáo hóa, diu dắt vì lãnh thọ bất chánh, nên bị mê loạn, trở ngại tu ba học, nên nói rằng: “Do chẳng phải tự tánh, tùy chuyển kiến chấp giả dối, quanh co, vì đã rõ ràng”.

Nói “Vì nghiệp chướng v.v... nghĩa là kể lại giải thích: “Cũng do nghiệp chướng, lãnh thọ bất chánh, nên dù không có kiến chấp cong vạy, nhưng vì mê loạn, nên có trở ngại quên mất tu ba học.

3- Nói “ Do mê loạn thắng giải, chánh hạnh khiến cho niệm quên mất v.v... nghĩa là có người phát tâm Bồ-đề, học pháp Đại thừa, thực hành hạnh Đại thừa, hoặc nhắm vào người đó nói, hoặc nhắm vào người khác nói rằng: “ Ba thừa không có khác v.v... Do đối với Bồ-tát, bất sinh cung kính, vì che giấu thật đức của Bồ-tát kia, do đó hủy phạm.

Nói “Do nghiệp chướng v.v... ” nghĩa là dù đều cung kính, che giấu đức Bồ-tát mà có hủy phạm, nhưng do nghiệp chướng, tâm quên mất, nói ba thừa không khác, do khởi chướng này mà bị quên mất.

4- Nói “Do mê loạn, chỗ hiển, ẩn, mật, khiến niệm quên mất v.v... ” Ở trước nói: “Đối với pháp năng nói, Bồ-đặc-già-la mê loạn, chứng tỏ pháp kia có chỗ ẩn mật. Đây là do không muốn cho người khác đối với thầy nói pháp, học Đại thừa v.v... nên nói lỗi của người kia do

hủy phạm này.

Nói “Do nghiệp chướng v.v...” nghĩa là dù không có cố tâm nói lỗi của người khác đã có hủy phạm trực tiếp do nghiệp chướng quên mất về người nói pháp trong tâm, nói có lỗi lầm mà có quên mất hủy phạm trong tâm.

Thứ ba, là giải thích về bốn câu khiến hủy hoại pháp bạch. Đầu tiên, là nói “Do ưa lợi mình, hẹp, ít, không chuyển trở xuống, nhân lắng nghe v.v... do hủy phạm này, tức là lời nói trên, nói là sức tăng thượng với sự cạnh tranh khác, nên khởi các pháp bạch, chứ chẳng phải gia hạnh.

Nói “Do không thật có v.v...” đây là giải thích lý do hủy phạm. Do chưa được pháp bạch, thiện vượt hơn, nên ưa chấp mắc lợi mình, cạnh tranh với người. Đối với chỗ nghe, thọ sinh, ở xa thông thả, ở trước đã được pháp bạch Trung hạ. Nay, đều lui mất, gọi là đã bị thối lui.

2- Do lỗi nhiễm ái, làm hư hoại pháp trong sạch, rất dễ hiểu.

3- Do lỗi ác kiến cho đến” do hủy phạm này: Ở đây gồm hai thứ:

1) Chê bai chánh.

2) Chấp tà.

Trong luận nói: “Ác kiến có hai:

1) Chê bai người hộ trì chánh pháp.

2) Chấp tà là chánh.

Nói “Do hạnh bất chánh nên bị được hư tổn, đây là do chấp tà làm chánh, bị quả suy tổn.

4- “Do lỗi thọ trì, làm hư hoại pháp trong sạch v.v.... Nghĩa là trước nói: “1) Thọ trì kinh bất liễu nghĩa. 2) chê bai, bác bỏ các kinh liễu nghĩa, chưa hiểu. Nay, nói rằng” Do lỗi thọ trì, làm hư hoại pháp trong sạch là nói chung hai nghĩa, gọi là thọ trì lỗi.

Do khởi mạn, của Đẳng giác trong ý thú của trí Như lai, nghĩa là chấp đối với kính không liễu nghĩa là khởi mạn.

Nói “Do chê bai chánh pháp thì bị suy tổn, nghĩa là chấp kinh không liễu nghĩa, vì là không tin liễu nghĩa, se mắc phải suy tổn.

Thứ tư, là giải thích về hiện hành của ý ác, có bốn trường hợp :

1. “Do hiện hành v.v... của ý ác, không rất cung kính đối với sở học”, nghĩa là ở trên nói rằng: “Đối với Đại sư, sinh tâm không tin, thuận ý trái với Học.

2. “Do không như thật nói rõ lỗi của mình, nên ý xấu ác hiện hành v.v...”, nghĩa là trên nói rằng: “Người nêu tội đối với đồng phạm hạnh, nghĩa là như thật phát lộ trái nhau.

3. “Hiện hành v.v... của ý ác đối với tinh tấn, biếng nhác”, nghĩa là ở trên nói: “Ý trái với tinh tấn trong pháp phước thiện của đại trí”.

4. “Do hiện hành của ý ác, chướng ngại nhân duyên tịnh”, nghĩa là trên nói: “Trong thắng giải rất sâu rộng lớn, có thể khiếm tự che lấp trái với thanh tịnh.

Thứ năm, là giải thích bốn trường hợp khó điều phục:

1. Do chỉ lắng nghe rất ráo, tu chướng v.v... Nghĩa là chấp lắng nghe làm rất ráo, che lấp đối với tu hành, gọi là tu chướng.

“Do chỉ quán thấy thoát khỏi thắng lợi v.v... khó biện luận”, nghĩa là giải thích về chấp lắng nghe là ý rất ráo. Giả vờ lừa dối, chỉ bày rõ bạn lành giữ gìn pháp.

2. “Đối với giáo thọ, tu giải tả v.v...”, nghĩa là nhận hiểu lầm, nên gọi là giải tả, không chịu nghe pháp, cho đến lừa dối người khác: “Ta là bạn lành trụ A-luỵn-nhã.”

3. Do đối với Thi-la an trụ không vững chắc, tu ác tác, v.v... ” nghĩa là do phá giới, nên sự hối tiếc che lấp tu, cho đến lừa dối người khác: “Ta là bạn lành siêng tu nghiệp phước.

4. “Đối với tự thấy an trụ kiến thủ, tu chướng v.v...”, nghĩa là do kiến thủ của mình, thậm chí giả vờ lừa dối biểu thị rõ tự chế ngự các bạn lành.

Thứ sáu, là giải thích thực hành bốn trường hợp phi đạo:

1/ Đối với người chưa tin, mà không nói giúp họ sinh tin.

2/ Đối với thừa dưới, mong cầu Đại thừa, không tùy đối tượng thích nghi mà nói pháp, khen ngợi điều lành đã làm.

3/ Đối với Đại thừa, mong cầu thừa dưới, không thuận với cơ nghi kia mà có nói năng. Nếu là người với tánh bất định, thì nên quở lỗi lui sụt Đại thừa, cầu Tiểu thừa. Nếu là người Nhị thừa định tánh, thì dù tạm thời phát tâm Đại thừa, nhưng về sau, lại cầu Tiểu thừa, lẽ ra nên thuận với tánh đó, khen tu Tiểu thừa, cho nên luận ở trên nói: “Người không có chủng tánh, dù phát tâm siêng tu hành tinh tấn nhưng cuối cùng không được Vô thượng Bồ-đề, không thể thuận với cơ nghi như thế, gọi là hành phi đạo.

4/ Đối với người trụ cấm giới, không thể khen người kẻ trụ bất cấm giới, không thể quở trách, gọi là thuyết không bình đẳng. Dưới đây nói: “Do thiện căn không viên mãn, nên đồng có bốn trường hợp”, như kế kết thúc bốn trường hợp trên.

Thứ bảy, giải thích bốn trường hợp gần kẻ không hiền lương:

1/ Do keo kiệt, tức ở trên nói: “Lui mất Đại thừa”.

2/ Ít học, tức trên nói: “Lui mất gia hạnh lợi ích hữu tình.”

3/ Không khéo nhập Thánh giáo: “Ở trên nói: “Lui mất Thánh giáo.”

4/ Không lắng nghe lời Phật nói: Ở trên nói “Lui mất vô gián tu các pháp lành. Cũng có thể bốn việc lui sụt đều do tính keo kiệt v.v... đã làm rõ. Ở dưới đây nói: “Vì không tu căn lành, nên đồng với năm trường hợp”, nghĩa là “không tu căn lành” là câu chung, dưới đây có bốn câu, như thứ lớp phối hợp với bốn câu trên mà kết, cũng có thể năm câu kết chung bốn câu trên.

Thứ tám, giải thích không như nghĩa kia, có bốn câu:

1/ Giữ gìn chánh pháp.

2/ Trụ luyện nhã.

3/ Siêng tu nghiệp phước.

4/ Quản lý, chế ngự đại chúng.

Dựa vào việc của bốn câu này, khởi lên bốn điều mong cầu, cầu tín, hàng phục v.v... như thứ lớp đó. Ở dưới nói: “Do cùng với ngã ái đều có tội vi tế không thấy sợ hãi”, nghĩa là giải thích: giữ gìn chánh pháp, muốn cầu niềm tin, hàng phục.

“Đều có với vô ngã phi thắng giải kia” trở xuống, là giải thích Trụ-luyện-nhã, cầu được tiếng khen, tu riêng nhân vô ngã, gọi là phi thắng giải. “Ưu trụ lẫn lộn nhau trong hiện pháp”, là giải thích: chế ngự đại chúng, cầu cúng dường v.v...

“Ở đời đương lai v.v...” trở xuống, là giải thích siêng tu nghiệp phước, cầu nhiễm, bạch v.v... cũng có thể do cùng có với ngã ái v.v... là giải thích trụ trì chánh pháp, cầu niềm tin, hàng phục, với vô ngã phi thắng giải kia đều không nghĩ đến làm lợi cho người khác, giải thích trụ luyện nhã, mong cầu tiếng khen. Đối với sinh tử Niết-bàn hoàn toàn quán thấy lỗi lầm, công đức, là giải thích về siêng tu nghiệp phước, cầu quả nhiễm.

“Đối với hiện pháp” v.v... trở xuống, là giải thích về quản lý, chế ngự, cầu phước cúng dường v.v...

Giả vờ biểu hiện bản thân mình có thể hộ trì chính pháp cho đến “chế ngự chúng”, là nhắc lại để kết.

Hai môn trước trong mười sáu môn. Đã giải thích xong. Dưới đây là môn thứ ba, là giải thích về thắng lợi của chánh hạnh. Đầu tiên nêu bốn trường hợp, trước sau sinh nhau, vì làm lợi cho hữu tình, nên sanh nhiều phước, cho nên kết hợp làm bốn. Cũng có thể chánh hạnh làm thành tựu bốn thứ thắng lợi, và sinh trưởng vô lượng phước.

Thứ hai, là giải thích theo thứ lớp: Trong bốn pháp của câu đầu, một câu trước, có thể khiến nhóm hợp tư lương phước. Ba câu sau, là khiến cho nhóm hợp tư lương trí.

Thứ ba, có bốn pháp:

1. Tu tu sở thành, nghĩa là nhân tu tuệ, nên thành pháp bạch khác.

2. Thành tựu hữu tình, tức pháp bạch kia đã thành, nhờ thành tựu người khác mà thành pháp bạch của mình.

3. Có thể nhẫn việc khó, tức pháp bạch kia đã thành, nghĩa là nhờ thành tựu người khác, mà thành pháp bạch của mình.

4. Nghe, tư duy không có nhàm chán, tức đã thành tựu pháp bạch kia, nghĩa là nhờ nghe, tư duy không chán đủ, nên thành pháp bạch khác.

Lại, giải thích:

1. Tu tu tuệ.

2. Tức tu tuệ mà thành kia, thành tựu hữu tình.

3. Tức tu tuệ mà thành kia kham nhẫn việc khó, nghĩa là vào cõi ác, hữu tình v.v... khác.

4. Tức tu tuệ sở thành kia. Nghe, tư duy không nhàm chán.

Thứ tư, là môn đại, là giải thích đủ pháp hạnh v.v... Đầu tiên là nêu chung, bốn trường hợp:

1) Đủ pháp hạnh.

2) Đủ hạnh bình đẳng.

3) Đủ hạnh lành.

4) Đủ hạnh pháp trụ, bao gồm bốn hạnh này, gọi là chánh pháp hạnh.

Một chữ “Đủ” ở trên, là chung cho ba hạnh dưới, nên dưới đây, là nhắc lại trong, giải thích, đều có chữ “đủ”.

Thứ hai, theo thứ lớp giải thích riêng.

“Thế nào là Bồ-tát đủ cả pháp hạnh?” Là hỏi về danh.

“Đây là hành tướng gì?”, hỏi số đầu.

Trong đủ hạnh bình đẳng có tám hành tướng. Luận sư Cảnh nói: “Hai danh đối với hữu tình, dùng thân không khác nhau, không nhiễm ô, nghĩa là gồm thu người khác làm đồng thể với mình. Không có đời khác, nghĩa là không thành khác nhau giữa hiện đời và đời sau. Không có mong cầu khác nhau, nghĩa là không thành thân mạng, tài sản khác nhau, với tâm thân ái bình đẳng, an ủi, khuyến dụ.

Pháp sư Thái nói: “Trong bốn thứ của thứ hai kia, việc thiện đã

làm và việc lợi ích hữu tình, gọi là ách thiện. Bồ-tát đối với việc đảm trách nặng lợi sinh v.v... mà mình đã làm, có thể vận dụng bình đẳng. Người chưa làm, thì bình đẳng có thể lấy.

Nói “không có chỗ y chỉ trong đủ hạnh lành, nghĩa là vì tâm không có chấp mắc, nên không cầu quả người trời.

Trong đủ hạnh, pháp, trụ. Luận sư Cảnh nói: “Tám hạnh trước trong mười hai hạnh là lợi mình, bốn hạnh sau là lợi người. Vẫn còn lại rất dễ hiểu.”

Pháp sư Thái cho rằng: “Nói và còn lại cùng ở chung khác, nghĩa là ở chung với tiền của dụng cụ v.v... khác.

Thứ năm, là Môn Đại: Giải thích về thí dụ sinh tịnh tín, thí dụ có mười chín.

Nói “Chẳng phải như mặt trời vì sợ La-hổ nắm lấy, nên liền quay quanh”. Nghĩa là mặt trời phi tình, không thể sinh sợ hãi, mà do thiên tử mặt trời sợ La-Hổ nắm trong tay, nên mặt trời vận chuyển xoay vần. La-Hổ tức là xưa nói La-Hổ, A-Tu-La. Chẳng phải như sư tử sợ gánh vác lớn. Luận sư Bị, Cảnh nói: “Trong núi sâu của các nước phương Tây có nhiều sư tử. Chỗ sư tử đi qua, tức có chồn theo đuổi, để tìm kiếm máu, thịt thừa. Sau khi sư tử giết một con nai lớn, nó bảo chồn vác, chồn thâm nghĩ: Nai chết đã to lớn, ta không thể hơn. Nếu không nhận gánh vác, thì nó sẽ giết chết mình. Tức thì nó nghĩ ra một kế, rồi bảo sư tử rằng: “Tôi lãnh nhiệm vụ vác con nai này, ông hãy theo sau tôi, ăn xong rồi đi, ông phải giúp sức với tôi!” Sư tử thâm nghĩ: “Ta thà tự gánh vác lấy, chứ không thể ăn sau theo mi”. Bấy giờ con chồn khỏi gánh vác. Sư tử cảm thấy mệt mỏi, thiếu thốn, vì sợ gánh vác to lớn”.

Pháp sư Thái chỉ nói: “Sư tử khiếp sợ vật lớn đã trấn giữ.”

Nói “Chẳng phải như rồng, voi”. Tam Tạng Pháp sư nói: “Nói voi gọi là Long tượng, chẳng phải như Luân vương không có chúng chúng Đại tượng phu thứ hai, nghĩa là lại không có Luân vương thứ hai đồng với thế giới.”

Nói “Ca-lý-sa Ban Noa”, Pháp sư Thái v.v... nói: “Ban-Noa là tên sò ngọc. Ca-lý-sa giống như Nhị thừa.

Lại, giải thích: “Đây là pháp số! tám mươi gọi là Ca-lý, mười sáu Ca Lý, gọi là Sa Ban Noa. Thân của Bồ-tát có giá trị vô lượng.”

